

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 151b/2021/QĐ-ĐHGD ngày 12 tháng 6 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định)*

Tên chương trình: **Cử nhân Kinh doanh Quốc tế**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Kinh doanh Quốc tế**

Tên tiếng Anh: **International Business**

Mã ngành: **7340120**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo cử nhân ngành Kinh doanh Quốc tế có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và có sức khỏe tốt, có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động ở các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh quốc tế như kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, vận tải quốc tế, ...; có khả năng hoạch định, triển khai thực hiện, điều hành các hoạt động trong doanh nghiệp, độc lập giải quyết các vấn đề trong các doanh nghiệp với môi trường kinh doanh toàn cầu.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Tạo cho người học có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức, sức khỏe tốt, và có trách nhiệm với xã hội; có ý thức tổ chức kỷ luật, lối sống văn minh, tác phong công nghiệp và có ý thức rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề;
- Cung cấp kiến thức cơ bản về cơ chế vận hành của nền kinh tế, hiểu biết luật pháp và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước;
- Cung cấp kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh, các vấn đề tổng quan và chuyên sâu về thương mại quốc tế, các chính sách kinh tế đối ngoại chủ yếu hiện nay, đặc điểm phát triển kinh tế thế giới trong xu hướng toàn cầu hóa, những vấn đề về hội nhập kinh tế, đầu tư quốc tế tại Việt Nam;
- Cung cấp các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ kinh doanh quốc tế (xuất nhập khẩu), vận tải (logistics), bảo hiểm ngoại thương, thương mại quốc tế; công cụ, chính

sách ngoại thương và đối ngoại với các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế, đầu tư quốc tế, thanh toán quốc tế và quản trị tài chính trong các công ty đa quốc gia;

- Có năng lực độc lập suy nghĩ, sáng tạo và bản lĩnh trong hoạt động nghề nghiệp, hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng tiếp thu các kiến thức mới để nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng phân tích và làm việc; và có khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường sống và làm việc tốt.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

2.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

- Hiểu rõ chủ trương, đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước; nhận thức được đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực trong công việc, trách nhiệm với xã hội và bản thân, có khả năng làm việc độc lập, các kỹ năng thích ứng nhanh với công việc;

- Nắm vững các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị như Chủ nghĩa Mác - Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; có các kiến thức cơ bản về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên như toán học, xác suất thống kê, đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

- Nắm vững kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, có hiểu biết thông thạo ngoại ngữ và kiến thức cơ bản về tin học.

2.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

- Có kiến thức về những nguyên lý cơ bản trong kinh tế nhằm phục vụ cho việc phân tích và giải thích các vấn đề kinh tế tầm vĩ mô và vi mô;

- Có kiến thức cơ bản về thống kê, phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế;

- Có kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế trong nền kinh tế toàn cầu; Có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và đàm phán với các đối tác nước ngoài;

- Có kiến thức cơ bản về luật kinh tế, kế toán, tài chính và marketing làm nền tảng cho việc tổ chức/tham gia vào các hoạt động kinh doanh nói chung.

2.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

- Hiểu được các vấn đề về luật kinh tế và thương mại quốc tế, nghiệp vụ kinh doanh quốc tế (gồm xuất nhập khẩu, nhượng quyền, hợp đồng, dự án trao tay, liên

doanh, sáp nhập/mua lại, đầu tư mới), nghiệp vụ thanh toán trong kinh doanh quốc tế và quản trị tài chính quốc tế;

- Hiểu các chính sách thương mại quốc tế, các hiệp định thương mại quốc tế, pháp luật và thông lệ quốc tế;
- Nhận dạng, so sánh và phân tích được các phương thức kinh doanh quốc tế và loại hình đầu tư quốc tế của công ty;
- Nhận biết và phân tích được vai trò của môi trường kinh doanh trong hoạt động kinh doanh quốc tế;
- Vận dụng được các nghiệp vụ thanh toán trong kinh doanh quốc tế, nghiệp vụ ngoại thương, hoạt động logistics;
- Xây dựng, phân tích được dự án đầu tư, ra quyết định và quản lý dự án đầu tư quốc tế, phân tích được hoạt động kinh doanh của công ty;
- Ứng dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành vào công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng được các kiến thức này để theo học các ngành kinh tế khác và bậc học cao hơn.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

- Kỹ năng chuyên môn: Kỹ năng hoạch định, tổ chức, thực hiện, kiểm soát;
- Năng lực thực hành nghề nghiệp: thiết lập cơ cấu tổ chức, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động kinh doanh trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, triển khai các dự án kinh doanh, quản trị hoạt động các bộ phận chức năng, quản trị quá trình sản xuất – kinh doanh;
- Kỹ năng xử lý tình huống liên quan đến chuyên ngành kinh doanh quốc tế;
- Kỹ năng thu thập thông tin, phân tích xử lý thông tin theo các phương pháp định tính, định lượng.

2.2.2. Kỹ năng mềm

Các kỹ năng hỗ trợ cho việc nâng cao hiệu quả làm việc và phát huy tối đa năng lực cá nhân như:

- Kỹ năng giao tiếp;
- Kỹ năng làm việc theo nhóm, làm việc hợp tác và cộng tác;
- Kỹ năng xác lập mục tiêu, xây dựng kế hoạch và quản lý thời gian;
- Kỹ năng hội nhập vào môi trường làm việc;
- Kỹ năng ngoại ngữ: Đạt năng lực Tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Kỹ năng tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

2.3. Yêu cầu mức tự chủ và trách nhiệm

- Đào tạo năng lực làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành kinh doanh quốc tế và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ được giao phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của mình;

- Có ý thức tự rèn luyện, học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, có định hướng phát triển tương lai;

- Xây dựng ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng, ý thức phục vụ đất nước và đạo đức nghề nghiệp.

2.4. Yêu cầu về thái độ

- Thể hiện ý thức và tinh thần trách nhiệm công dân, có phẩm chất chính trị đạo đức, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, biết xem xét và chấp nhận các quan điểm khác nhau;

- Thể hiện sự tự tin, lòng nhiệt tình, niềm đam mê, sự thích nghi đối với sự thay đổi, thể hiện sự tôn trọng và ý thức chấp hành sự phân công, điều động trong công việc của người quản lý;

- Thể hiện đúng đạo đức nghề nghiệp của ngành nghề mình theo đuổi, nhận thức được vị trí, vai trò tầm quan trọng của các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của mình, có thái độ đúng mực với những sai lầm của mình;

- Luôn xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong công việc và ứng xử hàng ngày tạo một phong cách làm việc chuyên nghiệp. Phương pháp và phong cách làm việc khoa học, có thái độ cầu tiến và vượt khó, biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, có khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công tác.

- Chủ động lên kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho bản thân;

- Luôn luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực chuyên ngành của mình để có thái độ ứng xử cũng như xử lý những thay đổi, cập nhật mới một cách phù hợp, hiệu quả.

2.5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Làm việc ở các công ty đa quốc gia, công ty giao nhận ngoại thương, công ty kinh doanh xuất nhập khẩu, các ngân hàng trong và ngoài nước, các công ty kinh doanh ngoại tệ;

- Làm việc tại các tổ chức quốc tế, các văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam, các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của các công ty Việt Nam ở nước ngoài hoặc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, các văn phòng Bộ/Sở Công thương, Bộ/Sở Kế hoạch và Đầu tư, ...

- Chuyên viên kinh doanh hoặc quản trị kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ, đặc biệt tại các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài;

- Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân trong bối cảnh hội nhập toàn cầu;

- Tham gia vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về lĩnh vực kinh doanh và kinh doanh quốc tế;

- Chuyên viên nghiên cứu, tham gia hoạch định chính sách kinh doanh tại các cơ quan quản lý nhà nước; chuyên viên thương mại tại các văn phòng đại diện thương mại của nước ngoài tại Việt Nam, cơ quan ngoại giao, cơ quan thương mại của Việt Nam ở nước ngoài.

2.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Hình thành thói quen học suốt đời, có khả năng cập nhật kiến thức, tiếp tục nghiên cứu và học tập chuyên sâu về kinh doanh thương mại, kinh tế và quản trị kinh doanh;

- Đáp ứng được với các yêu cầu học tập ở các trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế và kinh tế quốc tế;

- Có khả năng tự học tập về các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến kinh doanh.

2.7. Các tài liệu, chương trình, chuẩn quốc tế mà khoa tham khảo

- Chương trình và tài liệu ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Kinh doanh Quốc tế của trường Đại học Kinh tế Quốc Dân (xây dựng từ chương trình của Đại học Tổng hợp California San Bernadino, Hoa Kỳ);

- Chương trình và tài liệu ngành Kinh doanh quốc tế của Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Hoa sen, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông.

3. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo của chương trình là 03 năm với 8 học kỳ.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là **120 tín chỉ**, không bao gồm Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng – An ninh (8 tín chỉ).

Nội dung	Tổng số	Bắt buộc	Tự chọn
Kiến thức Giáo dục đại cương <i>Chưa tính khối kiến thức Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất.</i>	53	47	06
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	67	58	09
▪ Kiến thức cơ sở ngành	18	15	03
▪ Kiến thức ngành	21	18	03
▪ Kiến thức chuyên ngành	18	15	03
▪ Thực tập tốt nghiệp	4	4	0
▪ Khóa luận tốt nghiệp	6	6	0
Tổng cộng	120	105	15

5. Đối tượng tuyển sinh

Công dân đã có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo thực hiện trong 3 năm gồm 8 học kỳ trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 kỳ hoàn thành khóa luận hoặc thực tập tại cơ sở thực tế. Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, dựa trên Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ đại học và.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Gia Định, cụ thể:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có các Chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và Giáo dục Thể chất.

7. Thang điểm

Thực hiện đánh giá, cho điểm quá trình kiểm tra, đánh giá học phần, thi kết thúc học phần theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn tới một chữ số thập phân và quy đổi thành điểm chữ (A, B, C, ...) và điểm số tương ứng theo thang điểm 4 (từ 0 đến 4) theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định về Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

TT	Xếp loại	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
			Điểm chữ	Điểm số
1	ĐẠT	Từ 8,5 đến 10,0	A	4,0
2		Từ 7,0 đến 8,4	B	3,0
3		Từ 5,5 đến 6,9	C	2,0
4		Từ 4,0 đến 5,4	D	1,0
5	KHÔNG ĐẠT	Từ 0,0 đến 3,9	F	0,0

8. Nội dung chương trình đào tạo: 120 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc/ Tự chọn	Điều kiện tiên quyết	Học trước - Học sau
1. Kiến thức giáo dục đại cương (Không bao gồm Giáo dục Thể chất – 3TC và Giáo dục Quốc phòng – An ninh – 8TC)			53 TC			
1.1. Chính trị, pháp luật			11 TC			
1	DC001113001	Triết học Mác – Lênin	3			
2	DC001112002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2			
3	DC001112003	Chủ nghĩa Khoa học xã hội	2			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc/ Tự chọn	Điều kiện tiên quyết	Học trước - Học sau
4	DC001112004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			
5	DC001112005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
1.2. Khoa học – Công nghệ - Kỹ thuật (STEM)			9 TC			
1.2.1. Kiến thức Stem bắt buộc			6 TC			
6	DC031113022	Kinh tế học đại cương	3			
7	DC031113039	Toán cao cấp ứng dụng trong kinh doanh	3			
1.2.2. Kiến thức Stem tự chọn (Chọn 1 trong 4 HP)			3 TC			
8	DC031113040	Công dân số	3			
9	DC001113014	Khoa học tổng quát	3			
10	IB031113001	Trí tuệ nhân tạo	3			
11	IB031113002	Truyền thông đại chúng và xã hội	3			
1.3. Khai phóng			9 TC			
1.3.1. Kiến thức khai phóng bắt buộc			6 TC			
12	DC001113017	Nghệ thuật và nhân văn	3			
13	DC001113018	Trí tuệ và văn hóa	3			
1.3.2. Kiến thức khai phóng tự chọn (Chọn 1 trong 4 HP)			3 TC			
14	DC001113019	Con người và môi trường	3			
15	DC031113025	Pháp luật và đạo đức kinh doanh	3			
16	LK031113008	Tâm lý học	3			
17	DC031113038	Văn hóa doanh nghiệp	3			
1.4. Tư duy, kỹ năng			12 TC			
18	DC001113020	Tư duy tích cực và đổi mới sáng tạo	3			
19	DC001113021	Phong cách làm việc chuyên nghiệp	3			
20	DC001113012	Kỹ năng mềm	3			
21	IB031113003	Phương pháp học đại học và định hướng nghề nghiệp	3			
1.5. Tiếng Anh			9 TC			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc/ Tự chọn	Điều kiện tiên quyết	Học trước - Học sau
22	DC001113007	Tiếng Anh 1	3			
23	DC001113008	Tiếng Anh 2	3			
24	DC001113009	Tiếng Anh 3	3			
1.6. Tin học			3 TC			
25	DC001113006	Tin học văn phòng	3			
1.7. Giáo dục thể chất			3 TC			
26	DC001111010	Giáo dục thể chất 1 (*)	1			
27	DC031111035	Giáo dục thể chất 2 (*)	1			
28	DC031111036	Giáo dục thể chất 3 (*)	1			
1.8. Giáo dục Quốc phòng			8 TC			
29	DC001118011	Giáo dục Quốc phòng (*)	8			
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			67 TC			
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			18 TC			
2.1.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			15 TC			
30	DC031113023	Quản trị học	3			
31	DC031113024	Nguyên lý kế toán	3			
32	IB031113005	Lý thuyết tài chính	3			
33	DC031113026	Marketing căn bản	3			
34	IB031113006	Tin học ứng dụng trong quản lý	3			
2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (Chọn 1 trong 4 HP)			3 TC			
35	IB031113007	Quản lý hệ thống thông tin Doanh nghiệp	3			
36	IB031113008	Quản trị vận hành doanh nghiệp	3			
37	DC031113027	Kinh tế quốc tế	3			
38	DC031113029	Quản trị dự án	3			
2.2 Kiến thức chuyên ngành			21 TC			
2.2.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			18 TC			
39	IB031113011	Chiến lược kinh doanh quốc tế	3			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc/ Tự chọn	Điều kiện tiên quyết	Học trước - Học sau
40	IB031113012	Marketing quốc tế	3			
41	KD031113009	Luật thương mại quốc tế	3			
42	IB031113013	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3			
43	IB031113014	Logistics và chuỗi cung ứng	3			
44	IB031113015	Tiếng Anh chuyên ngành KDQT	3			
2.2.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (Chọn 1 trong 4 HP)			3 TC			
45	IB031113016	Môi trường kinh doanh toàn cầu	3			
46	IB031113017	Công ước và hiệp định thương mại quốc tế	3			
47	IB031113018	Tài chính quốc tế	3			
48	IB031113019	Quản trị quan hệ khách hàng	3			
2.3. Kiến thức chuyên sâu			18 TC			
2.3.1. Kiến thức chuyên ngành Kinh doanh Quốc tế						
2.3.1.1. Kiến thức chuyên sâu bắt buộc			15 TC			
49	IB031113020	Quản trị kinh doanh quốc tế	3			
50	IB031113021	Quản trị công ty đa quốc gia	3			
51	IB031113022	Đầu tư quốc tế	3			
52	IB031113023	Quản trị dự án quốc tế	3			
53	IB031113024	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3			
2.3.1.2. Kiến thức chuyên sâu tự chọn (Chọn 1 trong 4 HP)			3 TC			
54	IB031113025	Thương mại điện tử	3			
55	IB031113026	Xúc tiến thương mại	3			
56	IB031113027	Thuế và ra quyết định	3			
57	IB031113028	Truyền thông marketing quốc tế	3			
2.3.2. Kiến thức chuyên ngành Ngoại thương						
2.3.2.1 Kiến thức chuyên sâu bắt buộc			15 TC			
58	IB031113029	Thanh toán quốc tế	3			
59	IB031113030	Vận tải và bảo hiểm	3			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc/ Tự chọn	Điều kiện tiên quyết	Học trước - Học sau
60	IB031113031	Nghiệp vụ hải quan	3			
61	IB031113032	Quản trị kinh doanh xuất nhập khẩu	3			
62	IB031113022	Đầu tư quốc tế	3			
2.3.2.2. Kiến thức chuyên sâu tự chọn (Chọn 1 trong 4 HP)			3 TC			
63	IB031113025	Thương mại điện tử	3			
64	IB031113026	Xúc tiến thương mại	3			
65	IB031113027	Thuế và ra quyết định	3			
66	IB031113028	Truyền thông marketing quốc tế	3			
2.4. Thực tập tốt nghiệp/Đào tạo trong DN			10 TC			
2.4.1. Học kỳ doanh nghiệp			10 TC			
67	IB0311110038	Học kỳ doanh nghiệp - KDQT	10			
2.4.2. Thực tập tốt nghiệp + Báo cáo tốt nghiệp			10 TC			
68	IB031114034	Thực tập tốt nghiệp - KDQT	4			
69	IB031116035	Báo cáo tốt nghiệp - KDQT	6			
2.4.3. Thực tập tốt nghiệp + Môn học thay thế			10 TC			
2.4.3.1. Thực tập tốt nghiệp			4			
70	IB031114034	Thực tập tốt nghiệp - KDQT	4			
2.4.3.2. Môn học thay thế			6			
71	IB031113036	Phương pháp nghiên cứu định lượng	3			
72	IB031113037	Kỹ năng khởi nghiệp	3			

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường hoặc học tích lũy.

9. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
Học kỳ 1			21	
1	DC001113001	Triết học Mác – Lênin	3	
2	DC031113022	Kinh tế học đại cương	3	
3	DC031113039	Toán cao cấp ứng dụng trong kinh doanh	3	
4	DC001113017	Nghệ thuật và nhân văn	3	
5	DC001113007	Tiếng Anh 1	3	
6	DC001113010	Giáo dục thể chất 1 (*)	3	
Phần tự chọn – Sinh viên chọn 1 trong 4 học phần			3	
7	DC031113040	Công dân số	3	
8	DC001113014	Khoa học tổng quát	3	
9	IB031113001	Trí tuệ nhân tạo	3	
10	IB031113002	Truyền thông đại chúng và xã hội	3	
Học kỳ 2			19	
1	DC001112002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	
2	DC001112003	Chủ nghĩa Khoa học xã hội	2	
3	DC001113020	Tư duy tích cực và đổi mới sáng tạo	3	
4	DC001113008	Tiếng Anh 2	3	
5	DC001113012	Kỹ năng mềm	3	
6	IB031113003	Phương pháp học đại học và định hướng nghề nghiệp	3	
Phần tự chọn – Sinh viên chọn 1 trong 4 học phần			3	
7	DC001113019	Con người và môi trường	3	
8	DC031113025	Pháp luật và đạo đức kinh doanh	3	
9	LK031113008	Tâm lý học	3	
10	DC031113038	Văn hóa doanh nghiệp	3	
Học kỳ 3			24	
1	DC001113009	Tiếng Anh 3	3	
2	DC001112004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
3	DC001112005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4	DC001113006	Tin học văn phòng	3	
5	DC001118011	Giáo dục Quốc phòng	8	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
6	DC031113023	Quản trị học	3	
7	DC031113024	Nguyên lý kế toán	3	
Học kỳ 4			18	
1	DC001113018	Trí tuệ và văn hóa	3	
2	DC001113021	Phong cách làm việc chuyên nghiệp	3	
3	IB031113005	Lý thuyết tài chính	3	
4	DC031113026	Marketing căn bản	3	
5	IB031113006	Tin học ứng dụng trong quản lý	3	
6	IB031113007	Quản lý hệ thống thông tin Doanh nghiệp	3	
Học kỳ 5			18	
1	IB031113008	Quản trị vận hành doanh nghiệp	3	
2	DC031113027	Kinh tế quốc tế	3	
3	DC031113029	Quản trị dự án	3	
4	IB031113011	Chiến lược kinh doanh quốc tế	3	
5	IB031113012	Marketing quốc tế	3	
6	KD031113009	Luật thương mại quốc tế	3	
Học kỳ 6			21	
1	IB031113013	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	
2	IB031113014	Logistics và chuỗi cung ứng	3	
3	IB031113015	Tiếng anh chuyên ngành KDQT	3	
4	IB031113016	Môi trường kinh doanh toàn cầu	3	
5	IB031113017	Công ước và hiệp định thương mại quốc tế	3	
6	IB031113018	Tài chính quốc tế	3	
7	IB031113019	Quản trị quan hệ khách hàng	3	
Học kỳ 7			14	
* Chuyên ngành Kinh doanh Quốc tế			18	
1	IB031113020	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	
2	IB031113021	Quản trị công ty đa quốc gia	3	
3	IB031113022	Đầu tư quốc tế	3	
4	IB031113023	Quản trị dự án quốc tế	3	
5	IB031113024	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	
Phần tự chọn – Sinh viên chọn 1 trong 4 học phần			3	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
6	IB031113025	Thương mại điện tử	3	
7	IB031113026	Xúc tiến thương mại	3	
8	IB031113027	Thuế và ra quyết định	3	
9	IB031113028	Truyền thông marketing quốc tế	3	
* Chuyên ngành Ngoại thương			18	
1	IB031113029	Thanh toán quốc tế	3	
2	IB031113030	Vận tải và bảo hiểm	3	
3	IB031113031	Nghiệp vụ hải quan	3	
4	IB031113032	Quản trị kinh doanh xuất nhập khẩu	3	
5	IB031113022	Đầu tư quốc tế	3	
Phần tự chọn – Sinh viên chọn 1 trong 4 học phần			3	
6	IB031113025	Thương mại điện tử	3	
7	IB031113026	Xúc tiến thương mại	3	
8	IB031113027	Thuế và ra quyết định	3	
9	IB031113028	Truyền thông marketing quốc tế	3	
Học kỳ 8			10	
1	IB031114034	Thực tập tốt nghiệp - KDQT	4	
2	IB031116035	Báo cáo tốt nghiệp - KDQT	6	
Tổng số tín chỉ			120	

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo được xây dựng dựa theo khung Chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và được thực hiện ở tất cả các cơ sở đào tạo bậc đại học. Chương trình gồm 120 tín chỉ, trong đó phần kiến thức giáo dục đại cương 53 tín chỉ (44,2%) và phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 67 tín chỉ (55,8%); bao gồm 18 tín chỉ các môn Cơ sở ngành, 21 tín chỉ các môn kiến thức ngành, 18 tín chỉ kiến thức chuyên ngành, 10 tín chỉ thực tập tốt nghiệp và khóa luận; Chương trình có 105 tín chỉ học phần bắt buộc, 15 tín chỉ học phần tự chọn.

- Quy đổi tiết giảng theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Gia Định.

- 01 tín chỉ (TC) = 15 tiết lý thuyết
 = 30 – 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận
 = 45 – 90 giờ thực tập tại cơ sở hoặc phòng thực hành
 = 45 – 60 giờ làm tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp
 = 30 giờ chuẩn bị cá nhân

01 tiết học lý thuyết, thực hành có thời lượng được tính bằng 50 phút.

Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện, bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn (kể cả phần GDTC và GDQP-AN).

Phòng Đào tạo đại học và Khoa Kinh tế - Quản trị có nhiệm vụ phối hợp thực hiện chương trình theo chuẩn đầu ra. Sau mỗi hai năm học hoặc sau mỗi khóa học, Khoa phải lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực ngành Kinh doanh quốc tế do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh Đề cương chi tiết môn học.

10.1. Môn tự chọn

Trường/Khoa sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Hàng năm, phần kiến thức tự chọn có thể được thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập.

10.2. Khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Trường Đại học Gia Định.

Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp hoặc đồ án tốt nghiệp hoặc không muốn làm sẽ đăng ký học các học phần chuyên môn thay thế theo quy định trong chương trình đào tạo, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của khóa luận tốt nghiệp hoặc đồ án tốt nghiệp.

Trường ban hành quy định cụ thể về tổ chức, thực hiện và cách thức đánh giá khóa luận tốt nghiệp hoặc đồ án tốt nghiệp.

Sinh viên đủ điều kiện sẽ thực hiện Khóa luận tốt nghiệp hoặc học một số học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp.

10.3. Phương pháp dạy - học

- Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học: giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập;

- Tăng cường các phương tiện nghe nhìn, phương pháp dạy/học tích cực;
- Đảm bảo sách giáo khoa và tài liệu tham khảo cho sinh viên;
- Nhà trường đảm bảo và cung cấp, hướng dẫn cho sinh viên các thông tin về giáo trình, tài liệu học tập để sinh viên quyết định lựa chọn tài liệu học tập phù hợp học phần. Nhà trường khuyến khích, tạo mọi điều kiện, lịch trình học tập để sinh viên có năng động và chủ động trong tự học, tự tìm hiểu thu nhận kiến thức môn học;
- Tăng cường hiệu quả các buổi thực tập, phân công giảng viên theo dõi, giám sát các hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên, tổ chức kiểm tra khi kết thúc mỗi học phần.

10.4. Đánh giá học phần

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

10.5. Cách tính điểm

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định về Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Điểm trung bình chung học tập của mỗi năm học, mỗi khoá học được tính theo công thức đã quy định.

Xếp loại kết quả học tập theo quy định chung./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2021

**TRƯỞNG KHOA
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ**

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. PHẠM CHÂU THÀNH

PGS. TS. VÕ TRÍ HẢO